

Biểu mẫu 09*(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)***SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI****TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN****THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>1. Các loại hình lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp chuyên; - Lớp không chuyên học ngoại ngữ Tiếng Anh; - Lớp không chuyên học ngoại ngữ Tiếng Nhật; - Lớp song ngữ tăng cường Tiếng Pháp. - Lớp theo Đề án dạy Chương trình Song bằng Tú tài THPT Quốc gia Việt Nam và A- Level Cambridge <p>2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện theo quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội. và theo quy chế trường THPT nhiều cấp học và trường THPT chuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển bổ sung học sinh chuyên theo Quy chế trường THPT chuyên và theo quy định của Sở GD&ĐT Hà Nội. (đối với các môn chuyên thiếu chỉ tiêu) 	<ul style="list-style-type: none"> - Không tuyển bổ sung.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>1. Đối với các lớp không chuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh học Ban cơ bản, trong đó có một số môn học theo chương trình nâng cao (chuyên sâu, định hướng nghề nghiệp) do học sinh chọn. <p>2. Đối với các lớp chuyên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn chuyên: Trên cơ sở chương trình phổ thông nâng cao và Hướng dẫn dạy học môn chuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo viên bộ môn phát triển chương trình nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. <p>3. Đối với các lớp học Chương trình Song bằng Tú tài THPT Quốc gia Việt Nam và A- Level Cambridge</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học đầy đủ Chương trình THPT Việt Nam ban cơ bản (20 tiết/ tuần) - Chương trình Alevel: Học 04 môn Toán, Vật lý, Hóa học, Kinh tế và môn Tiếng Anh học thuật (20 tiết/ tuần) 		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình.	<p>1. Yêu cầu đối với cha mẹ học sinh:</p> <p>Cha, mẹ học sinh có vai trò quan trọng trong các hoạt động giáo dục. Nhà trường yêu cầu cha, mẹ học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động giáo dục chuyên sâu và toàn diện (các môn văn hoá, ngoại ngữ, công 		



	<p>Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</p>	<p>nghệ thông tin, kỹ năng mềm, ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cha mẹ học sinh đồng hành cùng nhà trường tạo điều kiện đảm bảo cho hoạt động học tập và rèn luyện toàn diện của học sinh. - Phối hợp chặt chẽ thông qua: <ul style="list-style-type: none"> + Giáo viên chủ nhiệm lớp; + Ban đức dục; + Ban Thường trực và Ban Đại diện CMHS; + Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; + Hệ thống Sở liên lạc điện tử. + Nền tảng MS 365; + Các trang mạng xã hội; <p>2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kế thừa và phát huy truyền thống trường Bưởi - Chu Văn An. - Chủ động học tập, rèn luyện nâng cao kiến thức chuyên sâu, định hướng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm, ngoại ngữ và công nghệ thông tin để trở thành nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô và Đất nước. - Chủ động tham gia các hoạt động giáo dục toàn diện, chia sẻ cộng đồng. - Nghiêm túc nội quy của nhà trường và pháp luật của Nhà nước.
<p>IV</p>	<p>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức theo mục tiêu giáo dục toàn diện. - Đoàn Thanh niên, các tổ nhóm chuyên môn và cá nhân các học sinh thành lập và triển khai các câu lạc bộ sở thích (hiện có 55 câu lạc bộ đang hoạt động). - Có nhà nội trú, căng tin, khu liên hợp thể thao, nhà truyền thống, khuôn viên rộng lớn đảm bảo không gian văn hóa cho các hoạt động giáo dục toàn diện.
<p>V</p>	<p>Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về hạnh kiểm: Loại Tốt đạt tỷ lệ trên 99,9%, 0,1% đạt loại Khá. - Về học lực: Loại Giỏi đạt tỷ lệ trên 90%, loại Khá 10%. - Học sinh được nhà trường quan tâm bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần. Có phòng y tế, hằng năm có tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho học sinh toàn trường. Có phòng tham vấn học đường, các chi hội chữ thập đỏ,...
<p>VI</p>	<p>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 100% có khả năng học tập tiếp tục theo những bậc học tiếp theo; - Nhiều học sinh được nhận học bổng du học; - Nhiều học sinh trở thành cán bộ Đoàn trong các trường đại học.

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Hiệu trưởng



Lê Mai Anh

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1820	627	633	560
1	Tốt (99,7%)	1815	620	630	559
2	Khá (0,1%)	2	1	1	
3	Trung bình (0%)				
4	Yếu (0%)				
II	Số học sinh chia theo học lực	1820	627	633	560
1	Giỏi (92,8%)	1689	569	572	548
2	Khá (7,0%)	127	57	59	11
3	Trung bình (0%)				
4	Yếu (0%)				
5	Kém (0%)				
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1820	627	633	560
1	Lên lớp (100%)	1260	627	633	
a	Học sinh giỏi (92,8%)	1689	569	572	548
b	Học sinh tiên tiến (7,0%)	127	57	59	11
2	Thi lại (0%)				
3	Lưu ban (0%)				
4	Chuyển trường đến/đi ()	34/4	17/2	17/2	
5	Bị đuổi học (0%)				



6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (0%)				
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	236			
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	15			
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	560			560
1	Giỏi (%)				
2	Khá (%)				
3	Trung bình (%)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (70%)	560			560
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (30%)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	768/ 1052	282/ 345	259/ 374	227/ 333
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	18	5	6	7

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Mai Anh



THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2020-2021

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	54	Số 1,5m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	54	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	10	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	54/54	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	42.382 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	25.000 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	60m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	60m ²	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	30m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	250m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1015m ²	
5	Phòng HĐSP, Bát Giác, Truyền thống,...	1500 m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo qui định		
1.1	Khối lớp 10	19	
1.2	Khối lớp 11	18	
1.3	Khối lớp 12	17	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với qui định		
2.1	Khối lớp 10	19	



2.2	Khối lớp 11	18	
2.3	Khối lớp 12	17	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	1.000 m ²	-
4		
VII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	100	18,2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	04	
2	Cát xét	13	
3	Đầu Video/dầu đĩa	04	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	58	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	133 m ²
XI	Nhà ăn	500 m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	600	100	6 m ² /chỗ

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	80 m ²	0	12/12 nhà	0	Nam: 240 m ² /760 Nữ: 240 m ² /1146
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGDĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Mai Anh



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2020-2021**

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Dưới TCCN	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	164			1	100	50	2	3	8	
I	Giáo viên	137	0	0	1	97	39				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	19	x	x		17	2				
2	Lý	11	x		1	7	3				
3	Hóa	13	x			12	1				
4	Tin	9	x	x		3	6				
5	KTCN	3	x				3				
6	Thể dục	6	x			2	4				
7	GDQP-AN	3	x	x			3				
8	Sinh - KTNN	10	x			9	1				
9	Văn	17	x	x		14	3				
10	Lịch sử	6	x			5	1				
11	Địa Lý	7	x	x		3	4				
12	GDCD	3	x			3					
13	Tiếng Anh	16	x	x		11	5				
14	Tiếng Pháp	7	x			4	3				
15	Tiếng Nhật	1	x			1					
16	A-Level	6		x		6					
II	Cán bộ quản lý	3				3					
1	Hiệu trưởng	1	x			1					
2	Phó hiệu trưởng	2	x			2					
III	Nhân viên	24					11	2	3	8	
1	Nhân viên văn thư	1		x			1				



2	Nhân viên lưu trữ	1		x			1			
3	Nhân viên kế toán	1	x				1			
4	Thủ quỹ									
5	Nhân viên y tế	2	x	x			1	1		
6	Nhân viên thư viện	2	x				2			
7	Nhân viên thiết bị	2	x				2			
8	NV CB TN A-Level	1		x			1			
9	Nhân viên Bảo vệ	6		x						6
10	Nhân viên Tham vấn học đường	1		x			1			
11	Nhân viên phục vụ	2		x						2
12	Nhân viên kỹ thuật	2		x			1	1		
13	Nhân viên ATTH	3		x			3			

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Mai Anh



CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

1. Công khai ngân sách nhà nước

a) Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách, thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung thông tư 61/2017/TT-BTC về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Các văn bản pháp luật nói trên xem tại trang thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo www.moet.gov.vn.

b) **Học phí và các khoản thu khác từ người học:** mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

c) **Các khoản chi theo từng năm học:** các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh, sinh viên; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

d) **Chính sách và kết quả thực hiện chính sách** hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

đ) **Kết quả kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế** (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

2. Công khai quản lý, sử dụng tài sản công

Thực hiện theo các qui định tại Mục 2 chương XIV Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và điều 9,10,11 thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 151/2017/NĐ-CP



CÔNG KHAI THU CHI TÀI CHÍNH

I. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:

Công khai tình hình tài chính của trường theo các nội dung:

1. Công khai phân bổ dự toán ngân sách hàng năm:

a) Nội dung công khai được thể hiện ở một số nội dung chi chủ yếu như:

- Chi thanh toán cho cá nhân (tiền lương, tiền công, BHXH)
- Chi phí NVCM (dự trù KP chi đội tuyển HSG)
- Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, CSVC theo dự toán được phân bổ.
- Chi các hoạt động thường xuyên khác như:

+ Chi hội nghị được thể hiện công khai trong quy chế chi tiêu nội bộ

+ Chi tham quan, học tập, bồi dưỡng CMNV được thể hiện cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ,

- Ngoài ra còn những khoản chi đột xuất được thống nhất thông qua liên tịch nhà trường và do hiệu trưởng quyết định tùy theo công việc cụ thể.

b) Việc công khai số liệu cụ thể:

- Về mức thu sự nghiệp:

- Thu Học phí: Theo NQ 05/2020/NQ-HĐND ngày 7/7/2020

- Các khoản phí, lệ phí: Thu theo quyết định 51/2013/QĐ-UB ngày 22/11/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Các khoản thu do đơn vị tự quyết định gồm các khoản thu sau:

+ Thu thỏa thuận:

Phục vụ nước uống tinh khiết của học sinh theo định mức đã được CMHS thông qua không vượt quá mức	12.000đ/hs/tháng
Số liên lạc điện tử:	35.000đ/hs/tháng
Sử dụng điều hoà không khí của học sinh theo định mức đã được CMHS thông qua	30.000đ/hs/tháng.
Học sinh Nội trú	450.000đ/hs/tháng

+ Thu khác:

Thu học phí lớp song ngữ lớp Pháp tăng cường theo mức	80.000đ/hs/tháng.
Thu học phí lớp Song bằng A-Level:	7.500.000đ/hs/tháng

c) Hình thức công khai : Trên website của nhà trường

d) Thời điểm công khai: Tùy từng công việc, hoạt động cụ thể nhà trường sẽ thông báo tại các bảng tin, ngoài ra còn được thực hiện vào 2 thời điểm sau:

- Vào đầu năm học trước khi tiến hành đại hội CNVC, đại hội CMHS hàng năm để cùng bàn bạc, thống nhất các khoản thu – chi làm căn cứ lập dự toán thu, chi cho năm tài chính.

- Vào đầu năm tài chính sau khi được cơ quan cấp trên giao dự toán ngân sách.



2. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước.

a) Nội dung công khai:

- Công khai báo cáo quyết toán năm đã được cơ quan cấp trên thẩm định theo từng nguồn kinh phí

- Công khai chi mua sắm bổ sung tài sản, trang thiết bị trong năm.

- Công khai việc triển khai các hạng mục sửa chữa trong năm.

b) Hình thức công khai: Trên website của nhà trường

c) Thời điểm công khai: Từ khi quyết toán năm được cơ quan cấp trên phê duyệt, thẩm định đến sau đại hội CNVC hàng năm.

II. Học phí và các khoản thu khác từ người học:

Hàng năm, cùng với việc triển khai các hoạt động giáo dục trong nhà trường thì việc lập dự toán thu cho từng khoản thu cũng được tiến hành dựa theo các nguyên tắc sau:

+ Các văn bản hướng dẫn và quy định về định mức thu học phí và các khoản thu khác của liên sở Tài chính – Giáo dục.

+ Các biên bản họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh với ban giám hiệu nhà trường.

Căn cứ vào các văn bản trên Ban đại diện CMHS trường tiến hành gửi thông báo về định mức thu học phí và dự trù các khoản thu thỏa thuận, tự nguyện đến từng ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp để thông qua trong cuộc họp CMHS đầu năm học.

+ Việc công khai số liệu dự toán được thể hiện tại biểu dự toán thu hàng năm của nhà trường và thông báo về định mức thu của ban đại diện CMHS.

III. Các khoản chi theo từng năm học:

Hàng năm có báo cáo quyết toán cụ thể

Trong đó gồm 1 số nội dung chi chủ yếu như sau: (Theo số liệu năm 2020)

+ Chi lương hàng năm khoảng: Trong đó:	16.096.789.852 đồng/ năm
- Mức thu nhập bình quân của CB, GV, NV	10.239.688 đồng/người/tháng
- Mức thu nhập cao nhất của CB, GV, NV	18.615.702 đồng/tháng
- Mức thu nhập thấp nhất của CB, GV, NV	1.333.550 đồng/tháng
+ Chi bồi dưỡng chuyên môn hàng năm khoảng	629.40.040 đồng/năm
+ Bồi dưỡng đội tuyển HSG:	1.000.000.000 đồng/năm
+ Chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập:	52.74.295 đồng/năm
+ Ngoài ra trường còn được cấp kinh phí mua sắm, sửa chữa ngoài định mức năm 2020:	Mua sắm: 1.340.236.000đ (TTB phòng thiết bị Văn phòng, kế toán, thư viện, thí nghiệm, tin học, hội trường Thăng Long, máy tính, máy chiếu, điều hòa không khí, bàn ghế học sinh, bàn ghế làm việc).

IV. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách

Vào đầu năm học nhà trường tiến hành phát đơn xin miễn giảm học phí cho học sinh thuộc diện chính sách để xét duyệt. Việc xét duyệt thực hiện hàng năm và căn cứ vào hồ sơ kê khai của học sinh. Hàng năm có khoảng 14 trường hợp thuộc diện được miễn giảm học phí.

* Thực hiện chính sách miễn giảm: theo quy định tại NĐ 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của chính phủ; TT 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐT BXH hướng dẫn thực hiện NĐ 86/2015/NĐ-CP.

V. Kết quả kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế (nếu có):

Thực hiện giám trừ Ngân sách năm 2020 số tiền: 182.791.000đ.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước. Số tiền đã nộp năm 2020: 305.961.465đ; trong đó: thuế TNCN = 301.804.465đ, thuế TNDN = 4.157.000đ

Thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Hiệu trưởng

(Ký tên và đóng dấu)



Lê Mai Anh